

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2025

V/v “Ly hôn, t/c nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thủ

Bà Mai Thị Bỉ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh) về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số C, Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh. *(xin vắng mặt)*)

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh). *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim L trình bày: Bà và ông H cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/7/2010, số 34/2010. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống bên gia đình nhà bà L. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 06/10/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định bà L và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà L, nhưng ông H không gửi cho Tòa án bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn là ông Nguyễn Thanh H không đến tham gia phiên họp, nên Tòa án chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Sau đó, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim L có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Bà L và ông H cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/7/2010, số 34/2010, nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông H là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà L thấy rằng: Căn cứ các ý kiến trình bày của bà L, sự không phản đối của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H trong cuộc sống hôn nhân là có thật. Khi bà L yêu cầu ly hôn, ông H không thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 06/10/2010. Cháu Huỳnh A có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Ông H cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con chung của bà L. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huỳnh A.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

2. Về quyền nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 06/10/2010 (hiện đang sống chung với bà L).

3. Ông H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H theo quy định của pháp luật. Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông H.

4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của cháu Huỳnh A, thì bà L, ông H, người thân thích của cháu Huỳnh A, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0016722 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An sang thi hành án phí, nên bà L không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bà L, ông H được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Tân Trụ (để ghi chú ly hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Khánh